

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-11-2023
V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con, chia tài sản khi
ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Hoàng Công Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10
năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249A/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm
2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1982. (có mặt)

Trú tại: **thôn F, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.**

- Bị đơn: anh **Phạm Ngọc H1**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Trú tại: **xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.**

-Người làm chứng: bà **Lê Thị T.** (vắng mặt)

Trú tại: **xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2021 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày
05/5/2023, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn
chị **Phạm Thị H** trình bày:*

Chị **H** và anh **H1** kết hôn vào ngày 23/5/2010, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã D**.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau, dẫn tới vợ chồng không tôn trọng nhau thường xuyên cãi vã. Anh **H1** không quan tâm đến vợ con, thiếu trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái, và cũng thường xuyên đánh chị **H**. Từ năm 2022 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với anh **H1** nên chị **H** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H1**.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung **Phạm Chu Ngọc L**, sinh ngày 23/09/2011 và **Phạm Chu Hải Đ**, sinh ngày 19/11/2015. Nếu ly hôn chị **H** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến lúc trưởng thành và yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng/2 con cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có khối tài sản gồm quyền sử dụng đất thửa đất số 50/1, tờ bản đồ 3; địa chỉ: **khối P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 118428 theo giá thị trường tại thời điểm định giá là: 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm ngàn đồng). Trên thửa đất có các tài sản sau: 01 (một) ngôi nhà 02 tầng do vợ chồng xây dựng có tổng giá trị là 876.106.500 đồng (tám trăm bảy mươi sáu triệu một trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng)

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị **H** có nguyện vọng lấy đất và nhà và giao tiền chênh lệch cho anh **H1**.

Về nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Diên Châu đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh **H1** lấy lời khai, tuy nhiên bị đơn cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của bị đơn trong việc giải quyết vụ án.

Người làm chứng bà **Lê Thị T** trình bày: Bà **T** là mẹ đẻ anh **Phạm Ngọc H1**. Trong quá trình chung sống bà **T** đã cho anh **H1** tiền để mua và làm nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh **Phạm Ngọc H1** tại thửa đất số 50/1, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: **thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**. Nay anh **H1** và chị **H** ly hôn bà có ý kiến: Về tình cảm: đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp

luật, về con chung: giải quyết theo nguyện vọng 2 vợ chồng; về tài sản chung: bà mong Tòa án giao cho anh H1 phần nhiều hơn. Bà T không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương, qua đó xác định được chị H và anh H1 kết hôn với nhau năm 2010, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Trong quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn của anh H1 và chị H kéo dài nhiều năm. Đến năm 2018 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại D để sống và không sống chung với anh H1. Hiện nay anh H1 và chị H đã sống ly thân với nhau, anh H1 vẫn sống tại D, còn chị H đã về sống tại D.

Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Phạm Chu Ngọc L, sinh ngày 23/09/2011 và Phạm Chu Hải Đ, sinh ngày 19/11/2015. Hiện các con chung đang ở với chị H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 33, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 59, khoản 2 Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự 2015. Điều 167, Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị H.

Về hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Giao 02 con chung Phạm Chu Ngọc L, sinh ngày 23/09/2011 và Phạm Chu Hải Đ, sinh ngày 19/11/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc trưởng thành; anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng/con.

Về tài sản chung vợ chồng: Giao cho chị **Phạm Thị H** được quyền sử dụng 100m² đất tại thửa đất số 50/1, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: **khối phố P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**, được **UBND huyện Đ** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BO118428 ngày 20/6/2013 mang tên **Phạm Ngọc H1** có tứ cận: Cạnh phía Đông giáp với DGT kích thước 5m; Cạnh phía Tây giáp với thửa đất LUC kích thước 5m; Cạnh phía Nam giáp với đất bà **Nguyễn Thị H2** kích thước 20m; Cạnh phía Bắc giáp với đường đất 5m kích thước 20m.

Giao cho chị **Phạm Thị H** được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 50/1, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: **khối phố P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, trụ bê tông cốt thép, mái ngói, sân nền lát gạch men, cửa gỗ, hiên nhà được xây dựng trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: Tầng 1 diện tích sàn xây dựng 60m²; Tầng 2 diện tích sàn 60m²; Hiên nhà diện tích 19,5m²; Hiên sắt diện tích 28,5m²; Phần tài sản nằm trên phần đất không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Hiên sắt diện tích 28,5m² có giá trị còn lại: 23.370.000 đồng; Tầng 1 diện tích sàn 21m². Tầng 2 diện tích sàn 21m². (Có sơ đồ kèm theo).

Chị **Phạm Thị H** có nghĩa vụ trích chia phần chênh lệch tài sản cho anh **Phạm Ngọc H1** số tiền 1.538.053.250 đồng. (một tỷ năm trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng) từ tài sản chung.

Giao cho anh **Phạm Ngọc H1** được sở hữu số tiền 1.538.053.250 đồng. (một tỷ năm trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng) do chị **H** trích chia.

4. Án phí: Chị **H** và anh **H1** chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị **Phạm Thị H** và anh **Phạm Ngọc H1** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh **Phạm Ngọc H1** có địa chỉ cư trú tại **xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị H** và anh **Phạm Ngọc H1** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ**, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, không còn quan tâm đến nhau. Bên cạnh đó anh **H1** thường xuyên có hành vi bạo lực chị **H** dẫn tới quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện bị đơn không có quan điểm cũng như không quan tâm đến hôn nhân của chính mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có cháu **Phạm Chu Ngọc L**, sinh ngày 23/09/2011 và **Phạm Chu Hải Đ**, sinh ngày 19/11/2015.

Xét thấy hiện các con đang ở với chị **H** và các con đều trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị **H**. Chị **H** có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung. Anh **H1** không có ý kiến gì. Vì vậy xét thấy cần giao 02 con cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị **H** yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con chung trưởng thành. Thấy yêu cầu này là chính đáng, phù hợp với các điều 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 21/09/2022 của anh **H1** và chị **H** đủ căn cứ xác định: Quyền sử dụng đất thửa đất số 50/1 tờ bản đồ số 03; địa chỉ: **khối phố P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà 02 tầng đổ bê tông cốt thép; địa chỉ: **khối phố P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** là tài sản chung vợ chồng anh **Phạm Ngọc H1** và chị **Phạm Thị H** trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam thể hiện:

Quyền sử dụng đất có diện tích 100m² có giá trị là: 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng).

01 ngôi nhà 02 tầng, trụ bê tông cốt thép, mái ngói, sân nền lát gạch men, cửa gỗ, hiên nhà được xây dựng trong một phần đất được cấp giấy CNQSD đất và một phần ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể:

+ Phần tài sản nằm trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: Tầng 1 diện tích sàn xây dựng 60m² có giá trị còn lại: 280.800.000 đồng; Tầng 2 diện tích sàn 60m² có giá trị còn lại: 295.080.000 đồng; Hiên nhà diện tích 19,5m² có giá trị còn lại: 51.928.500 đồng; Hiên sắt diện tích 28,5m² có giá trị còn lại: 23.370.000 đồng.

+ Phần tài sản nằm trên phần đất đất không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Hiên sắt diện tích 28,5m² có giá trị còn lại: 23.370.000 đồng; Tầng 1 diện tích sàn 21m² có giá trị còn lại: 98.280.000 đồng. Tầng 2 diện tích sàn 21m² có giá trị còn lại: 103.278.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 3.076.106.500 đồng. (ba tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu một trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng).

Chị **H** yêu cầu chia đôi tài sản chung và yêu cầu nhận bằng hiện vật và trích chi phần chênh lệch tài sản cho anh **H1**, xét thấy nguyện vọng của chị **H** là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy cần giao cho chị **H** quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và có nghĩa vụ thanh toán cho anh **H1** ½ giá trị tài sản chung tương đương với số tiền 1.538.053.250 đồng. (một tỷ năm trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng).

[4] Về nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị **Phạm Thị H** và anh **Phạm Ngọc H1** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 33, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 59, khoản 2 Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị **Phạm Thị H** được ly hôn anh **Phạm Ngọc H1**.
2. Về con chung: Giao 02 con chung **Phạm Chu Ngọc L**, sinh ngày 23/09/2011 và **Phạm Chu Hải Đ**, sinh ngày 19/11/2015 cho chị **Phạm Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc trưởng thành. Anh **Phạm Ngọc H1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng/con kể từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành.

Anh **Phạm Ngọc H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh **H1** lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị **H** nuôi con thì chị **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật.

Chị **Phạm Thị H** cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung vợ chồng:

Giao cho chị **Phạm Thị H** được quyền sử dụng 100m² đất tại thửa đất số 50/1, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: **khối phố P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**, được **UBND huyện Đ** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BO118428 ngày 20/6/2013 mang tên **Phạm Ngọc H1** có tứ cận: Cạnh phía Đông giáp với DGT kích thước 5m; Cạnh phía Tây giáp với thửa đất LUC kích thước 5m; Cạnh phía Nam giáp với đất bà **Nguyễn Thị H2** kích thước 20m; Cạnh phía Bắc giáp với đường đất 5m kích thước 20m.

Giao cho chị **Phạm Thị H** được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 50/1, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: **khối phố P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, trụ bê tông cốt thép, mái ngói, sân nền lát

gạch men, cửa gỗ, hiên nhà được xây dựng trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: Tầng 1 diện tích sàn xây dựng 60m²; Tầng 2 diện tích sàn 60m²; Hiên nhà diện tích 19,5m²; Hiên sắt diện tích 28,5m²; Phần tài sản nằm trên phần đất không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Hiên sắt diện tích 28,5m² có giá trị còn lại: 23.370.000 đồng; Tầng 1 diện tích sàn 21m². Tầng 2 diện tích sàn 21m². (Có sơ đồ kèm theo).

Chị **Phạm Thị H** có nghĩa vụ trích chia phần chênh lệch tài sản cho anh **Phạm Ngọc H1** số tiền 1.538.053.250 đồng. (một tỷ năm trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng) từ tài sản chung.

Giao cho anh **Phạm Ngọc H1** được sở hữu số tiền 1.538.053.250 đồng. (một tỷ năm trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng) do chị **H** trích chia.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Chị **Phạm Thị H** được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Về án phí:

Chị **Phạm Thị H** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn; phải chịu 58.142.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng chị **H** phải chịu 58.442.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ 12.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001994 ngày 25/10/2022 và 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004142 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu. Chị **H** còn phải nộp 38.142.000 đồng tiền án phí.

Anh **Phạm Ngọc H1** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và 58.142.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng anh **H1** phải chịu 58.442.000 đồng tiền án phí.

5. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Noinhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Diên Yên;
- VKS huyện Diên Châu;
- TAND tỉnh Nghệ an;
- VKSND tỉnh Nghệ an;
- Chi cục THADS huyện Diên Châu;
- Lưu HS, lưu VP.

(Đã ký)

Vũ Đức Thúy